



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
(đã được kiểm toán)



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai (tên tiếng Anh: Dong Nai Import Export Processing Agricultural Products and Foods Joint Stock Company, tên viết tắt: Donafoods) được chuyển đổi từ Công ty Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3600268170 ngày 05 tháng 01 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Quách Văn Đức	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Cao Nhơn	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Lê Văn Danh	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 01/01/2017)
Bà Võ Thanh Trúc	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Tuyền	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 17/02/2017)
Ông Nguyễn Trọng Trí	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17/02/2017)
Ông Nguyễn Quốc Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Thanh Trí	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17/02/2017)
Ông Nguyễn Tiến Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 17/02/2017)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thùy Vân	Trưởng ban	(Bỏ nhiệm ngày 06/05/2016)
Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 06/05/2016)
Bà Trần Hà Anh Phụng	Thành viên	
Bà Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Năm trước Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Hoàng Minh Tuyên

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2017

006-C
NH
NH
TOÁN
CHÍ MINH

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai được lập ngày 26 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính về việc Báo cáo tài chính được lập cho kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 04/01/2016. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai vẫn chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa. Do vậy, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày 04/01/2016.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Giám đốc

Ngô Minh Quý

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2013-002-1

Kiểm toán viên

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2013-002-1

017
CHI
CÓN
ANG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	05/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		94.986.489.350	228.365.743.097
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	24.277.593.965	169.977.006.642
111	1. Tiền		14.777.593.965	144.057.006.642
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.500.000.000	25.920.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		19.931.352.874	24.283.061.347
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	14.052.981.434	13.386.309.708
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	598.640.985	123.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	6.448.446.394
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.519.251.955	4.325.305.245
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(239.521.500)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	43.743.607.052	28.506.479.508
141	1. Hàng tồn kho		43.743.607.052	28.506.479.508
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.033.935.459	5.599.195.600
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	275.679.207	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.373.810.028	3.751.744.373
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.384.446.224	1.802.366.227
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	45.085.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		239.832.674.518	256.625.909.957
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		26.719.083	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	26.719.083	-
220	II. Tài sản cố định		62.705.324.435	67.970.602.186
221	1. Tài sản cố định hữu hình		62.670.810.546	67.970.602.186
222	- Nguyên giá		167.237.982.530	164.699.901.877
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.567.171.984)	(96.729.299.691)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	34.513.889	-
228	- Nguyên giá		35.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(486.111)	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	174.320.135.281	185.307.527.486
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	8.020.716.163
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		177.286.811.323	177.286.811.323
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(2.966.676.042)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.780.495.719	3.347.780.285
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	2.780.495.719	3.347.780.285
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		334.819.163.868	484.991.653.054

1105
NH
C TY
KIỂM
AAS
P. HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	05/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		141.321.875.148	259.991.653.054
310	I. Nợ ngắn hạn		138.849.477.871	258.983.329.054
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	13.997.099.271	251.433.929
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		108.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	52.071.833	-
314	4. Phải trả người lao động		2.130.582.412	1.808.715.878
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	806.105.880	142.133.767.874
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	33.396.247.345	5.163.872.507
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	88.359.371.130	109.625.538.866
330	II. Nợ dài hạn		2.472.397.277	1.008.324.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	2.472.397.277	1.008.324.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		193.497.288.720	225.000.000.000
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	193.497.288.720	225.000.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		225.000.000.000	225.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		225.000.000.000	225.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(31.502.711.280)	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(31.502.711.280)	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		334.819.163.868	484.991.653.054

Nguyễn Thị Ngọc Dung
Người lập

Nana

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nguyễn Thị Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Nana

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Hoàng Minh Tuyên

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ	Kỳ kế toán từ
			05/01/2016 đến 31/12/2016	01/01/2016 đến 04/01/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	312.452.070.515	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		312.452.070.515	-
11	4. Giá vốn hàng bán	20	315.763.627.440	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.311.556.925)	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.034.586.089	15.734.955.759
22	7. Chi phí tài chính	22	9.725.877.283	7.513.231.770
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		6.681.106.453	-
25	8. Chi phí bán hàng	23	4.944.410.593	9.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	12.858.586.746	-
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(29.805.845.458)	8.221.714.989
31	11. Thu nhập khác	25	659.105.778	-
32	12. Chi phí khác	26	2.355.971.600	-
40	13. Lợi nhuận khác		(1.696.865.822)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(31.502.711.280)	8.221.714.989
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	13.577.922
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(31.502.711.280)	8.208.137.067



Nguyễn Thị Ngọc Dung
 Người lập

Handwritten signature of Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nguyễn Thị Ngọc Dung
 Kế toán trưởng

Handwritten signature of Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Hoàng Minh Tuyên

Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016 VND	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(31.502.711.280)	8.208.137.067
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.576.748.679	-
03	- Các khoản dự phòng		3.206.197.542	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		30.036.206	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(334.952.208)	(67.898.611)
06	- Chi phí lãi vay		6.681.106.453	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước		(13.343.574.608)	8.140.238.456
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.522.039.156)	13.577.022
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(15.237.127.544)	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(94.876.519.375)	-
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		291.605.359	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(10.849.958.453)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(137.537.613.777)	8.153.815.478
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và		(3.551.574.653)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		240.103.725	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của		6.448.446.394	7.513.231.770
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(15.667.057.148)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.020.716.163	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		334.952.208	67.898.611
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.492.643.837	(8.085.926.767)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	3. Tiền thu từ đi vay		268.183.014.075	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(287.985.108.534)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(19.802.094.459)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(145.847.064.399)	67.888.711
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		169.977.006.642	169.909.117.931
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		147.651.722	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		3 164.277.593.965	169.977.006.642



Nguyễn Thị Ngọc Dung
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Dung
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Tuyên
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2017

Nana
Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nana
Nguyễn Thị Ngọc Dung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai (tên tiếng Anh: Dong Nai Import Export Processing Agricultural Products and Foods Joint Stock Company, tên viết tắt: Donafoods) được chuyển đổi từ Công ty Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 3600268170 ngày 05 tháng 01 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 225.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 225.000.000.000 VND; tương đương 22.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến, mua bán, xuất nhập khẩu các loại nông sản, thực phẩm, vật tư sản xuất nông nghiệp, các loại hạt ăn được, sản phẩm rau quả và trái cây các loại;
- Sản xuất cây điều giống cao su;
- Đầu tư chế biến dầu vỏ điều và các sản phẩm từ dầu vỏ điều; các sản phẩm từ cây điều.
- Nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người trồng điều; nghiên cứu chuyển đổi một số giống cây trồng để chế biến sản phẩm xuất khẩu.
- Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh địa ốc, bất động sản.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông.
- Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Dịch vụ thủ tục xuất nhập khẩu;
- Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác;

Thông tin về công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 12	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 08	năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty.
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	05/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	20.368.896	432.528.078
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.757.225.069	143.624.478.564
Các khoản tương đương tiền	9.500.000.000	25.920.000.000
	<u>24.277.593.965</u>	<u>169.977.006.642</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, các khoản tương đương tiền có giá trị 9,5 tỷ VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đồng Sài Gòn có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,5% đến 5%/năm.

Tại ngày 31/12/2016, các khoản tương đương tiền có giá trị 9.500.000.000 VND đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn/dài hạn từ ngân hàng (xem chi tiết tại Thuyết minh 13)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2016		05/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	8.020.716.163	-
- Công ty Cổ phần Giấy dếp cao su màu Đồng Nai	-	-	4.049.859.917	-
- Công ty Cổ phần Gốm Việt Thành	-	-	3.970.856.246	-
Đầu tư vào công ty khác	177.286.811.323	(2.966.676.042)	177.286.811.323	-
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai	16.099.172.108	-	16.099.172.108	-
- Công ty TNHH Chế biến XNK Nông sản thực phẩm Thái Bình	10.396.732.064	(2.966.676.042)	10.396.732.064	-
- Công ty Cổ phần Thăm Định giá Đồng Nai	2.127.105.597	-	2.127.105.597	-
- Công ty TNHH Đầu tư Long Đức	148.663.801.554	-	148.663.801.554	-
	177.286.811.323	(2.966.676.042)	185.307.527.486	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5-006-
HÀNH
TNHH
M TOÁN
C
CHỈ MỸ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	05/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Golden Boy Foods LTD.	7.153.650.000	-
- Moshe Mussafi and Son	3.497.340.000	-
- Kanematsu Chemicals Corporation	2.517.503.424	2.083.360.000
- Michael Waring Trading PTY LTD	557.083.794	1.127.261.870
- Công ty Kinh doanh hạt điều hải sản Tứ Hải	-	9.163.786.251
- Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP	103.800.001	-
- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	9.306.000	-
- Các khách hàng khác	214.298.215	1.011.901.587
	14.052.981.434	13.386.309.708
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	113.106.001	-
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		05/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty Khải Hoàn An	123.000.000	(123.000.000)	123.000.000	(123.000.000)
Công ty TNHH Sản xuất Nội hơi Tiến Lộc Phát	8.800.000	-	-	-
Hiệp hội điều Việt Nam	143.802.250	-	-	-
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng D.N.F	148.200.000	-	-	-
Trả trước người bán khác	174.838.735	-	-	-
	598.640.985	(123.000.000)	123.000.000	(123.000.000)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		05/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tạm ứng	141.007.000	-	-	-
Phải thu Công ty Annprash Pte Ltd	641.525.025	-	-	-
Kothari Products Singapore Pte Ltd	232.231.097	-	-	-
Phải thu Công ty TNHH Chế biến XNK Nông sản TP Thái Bình	4.455.130.461	-	3.601.877.461	-
Phải thu về các khoản bảo hiểm	4.358.372	-	479.752.333	-
Cầm cố, ký cược	45.000.000	-	45.000.000	-
Phải thu về hoạt động thoái vốn	-	-	197.200.000	-
Phải thu khác	-	-	1.475.451	-
	5.519.251.955	-	4.325.305.245	-
b) Dài hạn				
Cầm cố, ký cược	26.719.083	-	-	-
	26.719.083	-	-	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2016		05/01/2016	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Khải Hoàn An	123.000.000	-	-	-
- Công ty Huỳnh Gia Tiến Phát	116.521.500	-	-	-
	239.521.500	-	-	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		05/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.137.873.801	-	12.120.840.210	-
Công cụ, dụng cụ	1.036.401.510	-	545.053.112	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.496.435.906	-	7.581.775.593	-
Thành phẩm	30.072.895.835	-	8.258.810.593	-
	43.743.607.052	-	28.506.479.508	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm:
43.743.607.052 VND

105-
NHÀ
TY T
KIỂM
ASC
P. HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Số 647 Xã lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	110.681.230.511	46.988.453.884	5.899.990.655	1.130.226.827	164.699.901.877
- Mua trong kỳ	-	3.516.574.653	-	-	3.516.574.653
- Thanh lý TSCĐ	(978.494.000)	-	-	-	(978.494.000)
Số dư cuối kỳ	109.702.736.511	50.505.028.537	5.899.990.655	1.130.226.827	167.237.982.530
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	68.519.424.257	23.890.479.189	3.588.072.324	731.323.921	96.729.299.691
- Khấu hao trong kỳ	4.699.871.719	3.293.938.693	442.914.066	139.538.090	8.576.262.568
- Thanh lý TSCĐ	(738.390.275)	-	-	-	(738.390.275)
Số dư cuối kỳ	72.480.905.701	27.184.417.882	4.030.986.390	870.862.011	104.567.171.984
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	42.161.806.254	23.097.974.695	2.311.918.331	398.902.906	67.970.602.186
Tại ngày cuối kỳ	37.221.830.810	23.320.610.655	1.869.004.266	259.364.816	62.670.810.546

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.726.127.815 VND

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2016 là phần mềm kế toán có nguyên giá 35.000.000 VND và khấu hao lũy kế 486.111 VND

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>05/01/2016</u>
	VND	VND
Phân bổ công cụ dụng cụ	811.029.528	1.414.752.689
Lợi thế kinh doanh	860.525.758	1.290.788.637
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.108.940.433	642.238.959
	<u><u>2.780.495.719</u></u>	<u><u>3.347.780.285</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

13 . VAY

	05/01/2016		Trong kỳ		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai ⁽¹⁾	47.600.000.000	47.600.000.000	45.834.000	3.272.334.000	44.373.500.000	44.373.500.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đồng Sài Gòn ⁽²⁾	-	-	146.009.588.291	122.576.184.632	23.433.403.659	23.433.403.659
Ngân hàng TMCP An Bình ⁽³⁾	1.901.699.800	1.901.699.800	10.927.915.107	10.025.764.796	2.803.850.111	2.803.850.111
Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP ⁽⁴⁾	-	-	102.464.767.360	84.716.150.000	17.748.617.360	17.748.617.360
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Khu Công nghiệp	35.813.984.066	35.813.984.066	-	35.813.984.066	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TP. Hồ Chí Minh - Sở Giao dịch Đồng Nai	24.309.855.000	24.309.855.000	7.249.991.766	31.559.846.766	-	-
	109.625.538.866	109.625.538.866	266.698.096.524	287.964.264.260	88.359.371.130	88.359.371.130
b) Vay dài hạn						
Quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai ⁽¹⁾	1.008.324.000	1.008.324.000	-	550.008.000	458.316.000	458.316.000
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đồng Sài Gòn ⁽²⁾	-	-	2.120.081.277	106.000.000	2.014.081.277	2.014.081.277
	1.008.324.000	1.008.324.000	2.120.081.277	656.008.000	2.472.397.277	2.472.397.277
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	1.008.324.000	1.008.324.000			2.472.397.277	2.472.397.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 647 Xã lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016		05/01/2016	
		Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Vay					
Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP	Công ty mẹ	17.748.617.360	-	-	-
		17.748.617.360	-	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty tại ngày 31/12/2016 như sau:

STT	Ngân hàng	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo tiền vay	31/12/2016
1	Quý đầu tư phát triển Đồng Nai	Số 07/2012/HĐTD-TD ngày 15/02/2012 và phụ lục số 63/2016/PLHĐTD-TD ngày 20/07/2016	12 tháng	44.373.500.000 VND	11,4%/ năm	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản	Tín chấp	44.373.500.000
2	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	Số 66/2016 - HĐDHM/NHCT946 - DONAFOODS ngày 21/04/2016	12 tháng	150.000.000.000 VND	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản	Tiền gửi có kỳ hạn, công nợ phải thu và hàng tồn kho	23.433.403.659
3	Ngân hàng TMCP An Bình	Số 3831/16/TD/XIII ngày 30/09/2016	12 tháng	400.000 USD	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản	Hàng tồn kho	2.803.850.111
4	Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP	Hợp đồng vay vốn số /2016/HĐNT ngày 12/04/2016	12 tháng	35.000.000.000 VND	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động kinh doanh nông sản	Tín chấp	17.748.617.360
								88.359.371.130

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI
Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác của Công ty tại ngày 31/12/2016 như sau:

STT	Ngân hàng	Hợp đồng vay	Thời hạn vay	Hạn mức vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo tiền vay	31/12/2016
1	Quý đầu tư phát triển Đồng Nai	số 23/2014/HĐTD-TD ngày 26/09/2014	36 tháng	1.650.000.000 VND	9 %/năm	Mua sắm máy móc, thiết bị hạt điều	Tài sản hình thành sau đầu tư	458.316.000 VND
2	Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đồng Sài Gòn	Số 228/2016 - HĐTDDH/NHCT946 - DONAFOODS ngày 15/09/2016	60 tháng	4.100.000.000 VND	Theo từng lần nhận nợ	Mua sắm máy móc, thiết bị hạt điều	Tài sản hình thành sau đầu tư	-
								88.359.371.130

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Sản xuất dầu điều Hùng Lộc	-	-	232.478.729	232.478.729
Công ty TNHH MTV An Khương	3.547.212.500	3.547.212.500	-	-
Công ty TNHH TMDV Phong Dona	1.258.154.375	1.258.154.375	-	-
Công ty TNHH Thiện Minh	3.941.480.845	3.941.480.845	-	-
Công ty TNHH Majestar (H.K.) Trading	1.112.159.798	1.112.159.798	-	-
Công ty TNHH MTV TMDV Đại Lâm Sơn	826.212.950	826.212.950	-	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Tam Thắng	960.463.687	960.463.687	-	-
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Chuyên nghiệp Tín Nghĩa	127.270.000	127.270.000	-	-
Công ty CP Logistic Tín Nghĩa - ICD Biên Hòa	185.572.955	185.572.955	-	-
Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP	22.783.800	22.783.800	-	-
Phải trả người bán khác	2.015.788.361	2.015.788.361	18.955.200	18.955.200
	<u>13.997.099.271</u>	<u>13.997.099.271</u>	<u>251.433.929</u>	<u>251.433.929</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	<u>335.626.755</u>	<u>335.626.755</u>	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong kỳ	trong kỳ	cuối kỳ	cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	246.274.523	246.274.523	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	986.731.204	-	-	-	986.731.204	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	207.821.964	155.750.131	-	52.071.833
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	815.635.023	-	1.578.033.453	1.160.113.450	397.715.020	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	1.802.366.227	-	2.035.129.940	1.565.138.104	1.384.446.224	52.071.833

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	05/01/2016
	VND	VND
- Phải trả về cổ phần hóa	-	135.159.614.000
- Lãi vay phải trả	-	4.168.852.000
- Phải trả về các hoạt động thoái vốn	-	1.992.119.750
- Phải trả chi phí hoa hồng	274.711.818	256.737.500
- Phải trả phí dịch vụ	531.394.062	88.792.000
- Chi phí phải trả khác		467.652.624
	806.105.880	142.133.767.874

16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	05/01/2016
	VND	VND
- Phải trả các khoản bảo hiểm	1.157.007	-
- Phải trả về cổ phần hóa	16.733.406.844	4.351.036.455
- Thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước do chưa quyết toán xong	-	812.836.052
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.661.683.494	-
	33.396.247.345	5.163.872.507

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm nay	225.000.000.000	-	-	225.000.000.000
Lỗi trong năm nay	-	-	(31.502.711.280)	(31.502.711.280)
Số dư cuối năm	225.000.000.000	-	(31.502.711.280)	193.497.288.720

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP	54,00	121.500.000.000	54,00	121.500.000.000
Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai	39,84	89.643.000.000	39,84	89.643.000.000
Công ty CP Nguyên Cường	4,44	10.000.000.000	4,44	10.000.000.000
Các cổ đông khác	1,72	3.857.000.000	1,72	3.857.000.000
	100	225.000.000.000	100	225.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	225.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	225.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	22.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND	

18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	05/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	545.592,85	62.760,23

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	304.226.042.515	-
Doanh thu bán nguyên phụ liệu	8.226.028.000	-
	312.452.070.515	-

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	308.052.141.396	-
Giá vốn của nguyên phụ liệu và phế liệu	7.711.486.044	-
	315.763.627.440	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	334.952.208	67.898.611
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	699.633.881	-
Đánh giá lại các khoản đầu tư	-	15.667.057.148
	1.034.586.089	15.734.955.759

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.681.106.453	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	48.058.582	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	30.036.206	-
Đánh giá lại các khoản đầu tư	-	7.513.231.770
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.966.676.042	-
	9.725.877.283	7.513.231.770

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.756.220.033	9.000
Chi phí bằng tiền khác	188.190.560	-
	4.944.410.593	9.000

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.892.616.538	-
Chi phí công cụ, dụng cụ	179.151.806	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.052.741.120	-
Thuế, phí, lệ phí	1.636.260.793	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.796.353	-
Chi phí khác bằng tiền	3.587.020.136	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	123.000.000	-
	12.858.586.746	-

25 . THU NHẬP KHÁC

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Thu nhập từ cho thuê kho, thuê mặt bằng	226.000.000	-
Thừa do kiểm kê	309.090.590	-
Thu nhập khác	124.015.188	-
	659.105.778	-

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	1.244.429.220	-
Chi phí thuê mặt bằng	429.000.000	-
Tiền phạt chậm nộp	48.735.478	-
Hỗ trợ đồng bào lũ lụt	10.000.000	-
Chi phí khác	623.806.902	-
	2.355.971.600	-

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(31.502.711.280)	8.221.714.989
Các khoản điều chỉnh tăng	58.735.478	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(510.339.918)	(8.153.825.378)
Thu nhập tính thuế TNDN	(31.954.315.720)	67.889.611
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	13.577.922
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	(986.731.204)	(1.000.309.126)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(986.731.204)	(986.731.204)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	299.397.486.935	-
Chi phí nhân công	24.914.703.212	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.840.529.219	-
Thuế và các khoản lệ phí	1.636.260.793	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.639.944.072	9.000
Chi phí khác bằng tiền	4.226.275.353	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	123.000.000	-
	347.778.199.584	9.000

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		05/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.277.593.965	-	169.977.006.642	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.572.233.389	(239.521.500)	17.711.614.953	-
Các khoản cho vay	-	-	6.448.446.394	-
	43.849.827.354	(239.521.500)	194.137.067.989	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	05/01/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			90.831.768.407	110.633.862.866
Phải trả người bán, phải trả khác			47.393.346.616	5.415.306.436
Chi phí phải trả			806.105.880	142.133.767.874
			139.031.220.903	258.182.937.176

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.277.593.965	-	-	24.277.593.965
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19.332.711.889	-	-	19.332.711.889
	43.610.305.854	-	-	43.610.305.854
Tại ngày 05/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.977.006.642	-	-	169.977.006.642
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.711.614.953	-	-	17.711.614.953
Các khoản cho vay	6.448.446.394	-	-	6.448.446.394
	194.137.067.989	-	-	194.137.067.989

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	88.359.371.130	2.472.397.277	-	90.831.768.407
Phải trả người bán, phải trả khác	47.393.346.616	-	-	47.393.346.616
Chi phí phải trả	806.105.880	-	-	806.105.880
	136.558.823.626	2.472.397.277	-	139.031.220.903
Tại ngày 05/01/2016				
Vay và nợ	109.625.538.866	1.008.324.000	-	110.633.862.866
Phải trả người bán, phải trả khác	5.415.306.436	-	-	5.415.306.436
Chi phí phải trả	142.133.767.874	-	-	142.133.767.874
	257.174.613.176	1.008.324.000	-	258.182.937.176

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

	Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	268.183.014.075	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	287.985.108.534	-

31 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thành phẩm xuất khẩu đi thị trường nước ngoài, do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU**NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Kỳ kế toán từ	Kỳ kế toán từ
		05/01/2016 đến	01/01/2016 đến
		31/12/2016	04/01/2016
		VND	VND
Vay ngắn hạn			
- Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP	Công ty mẹ	102.464.767.360	-
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	Mối quan hệ	31/12/2016	05/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng			
Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP	Công ty mẹ	113.106.001	-
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể	103.800.001	-
		9.306.000	-
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Chế biến XNK Nông sản thực phẩm Thái Bình	Công ty con	4.455.130.461	3.601.877.461
		4.455.130.461	3.601.877.461
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Chuyên nghiệp Tín Nghĩa	Cùng Công ty mẹ	335.626.755	-
		127.270.000	-
Công ty CP Logistic Tín Nghĩa - ICD Biên Hòa	Cùng Công ty mẹ	185.572.955	-
Tổng Công ty Tín Nghĩa - CTCP	Cùng Công ty mẹ	22.783.800	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Số 647 Xa lộ Hà Nội, phường Long Bình, thành phố
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Cho kỳ kế toán từ 05/01/2016 đến 31/12/2016	Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 04/01/2016
	VND	
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.088.820.000	-

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 04/01/2016 của Công ty Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm Đồng Nai (tiền thân của Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai) là số liệu của Công ty, chưa được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai quyết toán cổ phần hóa tại ngày 04/01/2016. Kỳ kế toán từ ngày 05/01/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ kế toán đầu tiên của Công ty khi chuyển sang Công ty cổ phần.

Nguyễn Thị Ngọc Dung
Người lập

name

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Nguyễn Thị Ngọc Dung
Kế toán trưởng

name

Nguyễn Thị Ngọc Dung

Hoàng Minh Tuyên
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 26 tháng 03 năm 2017



name



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973

E: aaschn@hn.vnn.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 8 3945 0505 - (84) 8 3945 0606 | F: (84) 8 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Lầu 03, Tòa nhà Galaxy 9, Số 09 Nguyễn Khoái, Phường 01, Quận 04, Tp.HCM

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 33 3627 571 | F: (84) 33 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh